

Các tông phái Phật giáo Theravāda (tiếp theo và hết)

ISSN: 2734-9195 14:10 03/09/2026

Trong bài viết này, chúng ta đã khảo sát một cách hệ thống về sự phân hóa trong giáo đoàn Theravāda hiện nay trên toàn thế giới. Qua đó, chúng ta cũng đã rút ra một số nhận định sơ bộ về sự phân hóa này.

Tác giả: **Nguyễn Anh Tú**

Tiếp theo số tháng 7/2026 (199)

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2026

Tóm lược: Sự tồn tại và phát triển của Phật giáo Theravāda hiện nay là một thực thể sống động cho hình thái Phật giáo bộ phái. Sự diễn tiến và phân hóa hiện nay trong nội bộ bản thân nó là vấn đề quan trọng cần tìm hiểu cho tương lai của truyền thống này. Bài viết khảo sát về các ‘tông phái’, theo nghĩa tường minh lẫn hàm ẩn, của nội bộ Phật giáo Theravāda đang hiện diện khắp thế giới. Qua đó, chúng ta cố gắng phác thảo nên bức tranh chung về bối cảnh hiện đại của hệ phái này để làm nền cho các nghiên cứu sâu hơn về sau.

7.1. Phật giáo Theravāda Nhật Bản (91)

7.1.1. Thời kỳ tiền chiến

Cho đến thời Minh Trị (Meiji), từ năm 1887 đến 1890, thầy trò thiền sư Sōen Shaku (釈宗演) và Kōnen Shaku (釈興然 1849-1924) đi đến Tích Lan học và xuất gia lại dưới pháp danh Pannaketu và Gunaratana. Kōnen mang Theravāda về Nhật, thành lập Thích Tôn Chánh Phong Hội (Shakuson Shōfu Kai, 釈尊正風会), nhưng phái này không được nhà nước đương thời ủng hộ nên không tồn tại lâu. Hai vị này vẫn nổi tiếng về việc truyền bá thiền Zen hơn ở Hoa Kỳ và đều là bạn, đồng thời hướng dẫn cho D. T. Suzuki về Zen lẫn Pāli.

7.1.2. Thế Giới Bình Hòa Tự

Một vài tự viện Theravāda sau này được thiết lập do sự hợp tác quốc tế.

Vào năm 1954, sau khi dự kỳ kết tập thứ sáu (1954-1956), một tăng nhân có pháp danh là Visuddhasaya thành lập Nhật Bản Thích Tôn Chánh Pháp Hội (Nihon Shakuson Shōbō Kai, 日本釈尊正法会, Japan Buddha Sāsana Society), ở thành phố Moji, Fukuoka (門司市), nay thuộc thành phố công nghiệp Kitakyūshū (北九州市), theo kiểu Miến Điện. Tổ chức này ngày nay cũng không còn và cũng ít tài liệu ghi lại.

Ngày 30/11/1961, Thế Giới Bình Hòa Tự (世界 平和□□□□, Sekai Heiwa Pagoda, World Peace Pagoda) hoàn thành dưới sự cộng tác quốc tế, dựa trên quỹ từ Union of Burma cũng như các tình nguyện viên từ Japan Buddha Sāsana Society và Japan Burma Friendship Association (日本□□□□文化協会, Nihon Biruma Bunka Kyōkai). Từ 10/1974, ngôi chùa được điều hành bởi Tông Giáo Pháp Nhân Thế Giới Bình Hòa Tự (宗教法人世 界平和□□□□, World Peace Pagoda Religious Corporation). Ngôi chùa không có các công việc tôn giáo rõ ràng. Người dân khi đó không quan tâm lắm đến Theravāda.

7.1.3. Trung tâm Phật giáo Nhật Bản Tích Lan

Năm 1984, văn phòng Trung Tâm Phật Giáo Nhật Bản Tích Lan (Japan Sri Lanka Buddhist Centre, Lankaji) (日本□□□□□□ 仏教□□□□ 蘭華寺, Nihon - Suri Ranka Bukkyō Sentā Rankaji), được thành lập theo sự hợp tác giữa vị sư Tích Lan là Banagala Upatissa và nữ thiện nhân Nhật Bản là Takiko Yoshida (吉田多輝子), đặt trụ sở ở Kushinara, Tích Lan. Thượng tọa Upatissa trở thành "High Priest for Japan". Năm 1989, trung tâm này có chi nhánh tại thành phố Sawara ở Chiba (佐原市), nay thuộc Katori (香取市). Nơi này hiện được điều hành bởi Japan Sri Lanka Cooperative Society (日本□□□□□□ 同心 会 Nihon Suri Ranka Dōshin Kai).

7.1.4. Phong trào tôn giáo mới

Có hai phong trào tôn giáo mới giúp phát triển Theravāda gồm một tổ chức của Thái là Dhammakaya Foundation và một phong trào trong nước là Agon Shū.



Ảnh: Sưu tầm

a. Tổ chức Dhammakaya

Tổ chức Dhammakaya (Dhammakaya Foundation) có 6 trung tâm ở Nhật, được quan tâm bởi chư tăng JTBA. Chủ yếu chỉ để phục vụ cho người Thái, rất ít thông tin bằng tiếng Nhật cho người Nhật.

b. A-hàm Tông (Agon Shū)

A-hàm Tông (Agon Shū, 阿含宗, Āgama School) là tôn giáo mới của Nhật Bản, trong đó các giáo lý cơ bản được dựa trên A-hàm (Āgama). Tổ chức này được thành lập vào năm 1978 bởi Seiyū Kiriya, được công nhận về mặt pháp lý vào năm 1981. Trụ sở chính đặt tại Kyōto. (92)

Trước đó, năm 1954, ông cũng đã thành lập Kannon Jikei-kai (Society of the Mercy of Kannon Bosatsu) tại Yokohama và đứng đầu cho đến năm 1978. (93) Kiriya được cho là đã khám phá phương pháp đạt giác ngộ trong Kinh A-hàm (Agon) và thành lập Agon Shū vào năm 1978. Ông viết hơn 50 cuốn sách diễn giải về niềm tin, ý nghĩa và mục tiêu của Phật giáo A-hàm (Agon).

A-hàm Tông (Agon Shū) tin rằng mình dựa trực tiếp vào những lời Phật dạy trong tiếng Sanskrit gốc gọi là các Kinh A-hàm (Āgama Sutra). Theo A-hàm Tông (Agon Shū), những kinh này là các ghi chép thật sự những lời dạy của Phật Gautama, trong khi Đại thừa Phật giáo là một sự sai lệch. Họ hành trì dựa theo các Kinh A-hàm (Agon), trong đó đức Phật được cho là đã dạy các môn đệ một

phương pháp gọi là "7 phần và 37 phẩm trợ bồ-đề".

Mặc dù khẳng định rằng mình bắt nguồn từ Phật giáo cổ, A-hàm Tông (Agon Shū) tập hợp ba dòng chính của tư tưởng Phật giáo: Phật giáo Bắc truyền, Phật giáo Nam truyền và Mật giáo của Phật giáo Tây Tạng. Hoạt động của họ kết hợp nghiên cứu các A-hàm (Āgama) với việc thực hành các nghi lễ bí truyền.

Năm 1989, Agon-Shu đã có 1,358 tu sĩ, phục vụ khoảng 580,000 tín đồ. Thành viên tham gia trong đời sống tôn giáo với sự giúp đỡ của các phương tiện truyền thông hiện đại. (94)

7.1.5. Các nhóm cư sĩ có trước JTBA

Thiền sư S.N. Goenka có lập hai trung tâm cho cư sĩ tại Nhật, một tại Kyoto Prefecture, một tại Chiba Prefecture. Một nhóm nhỏ khác ở Tokyo là Japan Theravāda Buddha Sāsana Bhāvanā Group (上座仏教修道会 Jōza Bukkyō Shūdōkai) được thành lập năm 1989.

7.1.6. Liên Hiệp Phật Giáo Theravāda Nhật Bản

Liên Hiệp Phật giáo Theravāda Nhật Bản (Japan Theravāda Buddhist Association - JTBA), gọi tắt là JTBA, thành lập năm 1994, trẻ nhất nhưng thành công nhất trong tất cả các tổ chức. Trung tâm là Gotami Vihara tại Tokyo, gồm cả chư tăng Theravāda Nhật lẫn các nước. Cho đến 2008, có khoảng 1.500 thành viên, ra khoảng

2.000 số tạp chí Palipadā mỗi tháng. Tên gọi mới cho Theravāda là Tērawāda (国際仏教連合会) thay vì tên tiếng Sino-Nhật là Jōzabu Bukkyō (上座 部仏教) như trước đây, vì vậy tên gọi là Nihon Tērawāda Bukkyō Kyōkai. Có một chùa thành viên là International Buddhist Center Shōzanji (国際仏教連合会 正山寺). Palipadā cũng được kể là một ngôi chùa thành viên thuộc JTBA.

7.2. Phật giáo Theravāda Việt Nam

Phật giáo Theravāda được truyền bá vào Việt Nam, với người Việt, cho đến nay đã gần 80 năm (đó là với người Việt, còn đối với người Khmer thì Phật giáo Theravāda từ lâu đã trở thành máu mủ trong đời sống tinh thần của họ). Chúng ta thường quen gọi đường hướng Phật giáo này bằng những cái tên như: Phật giáo Tiểu Thừa, Đạo Phật Thích ca, Phật giáo Nguyên Thủy, Phật giáo Nam Tông,... Tuy vậy, theo tiêu chí đã đặt ra ở trên, thì Phật giáo Theravāda Việt Nam hiện tại cũng có sự phân chia. Chúng tôi cho rằng, Phật giáo Theravāda

trên đất Việt Nam hiện tại chia thành hai nhóm chính, là nhóm Phật giáo Theravāda người Việt và Phật giáo Theravāda người Khmer (Cao Miên). Tuy vậy, bản thân trong hai nhóm này cũng có sự phân thành các nhóm nhỏ. Đối với Phật giáo Theravāda người Việt, chúng tôi xin được tạm gọi các nhóm ấy dựa theo lĩnh vực hoạt động bằng những cái tên như là: nhóm Dung Hợp, nhóm Xã Hội, nhóm Siêu Lý và nhóm Thiền. Còn đối với Phật giáo Theravāda người Khmer, thì gồm có hai phái lớn là: Phái Đại Tông và phái Pháp Tông. Và nơi đây, chúng tôi xin được trình bày, theo chúng tôi, về sự phân chia ấy.

7.2.1. Phật giáo Theravāda người Việt

Vì khoảng thời gian tồn tại còn tương đối ngắn, sự phân phái của Phật giáo Theravāda người Việt thực ra không quá sâu sắc. Chúng tôi cho rằng, sự phân nhóm vào thời điểm hiện tại, có nguồn gốc sâu xa từ xưa, khi mà Phật giáo Theravāda được các ngài Hộ Tông, Bửu Chơn, Giới Nghiêm, Tịnh Sự,... truyền về Việt Nam. Sự phân nhóm này chỉ đơn thuần là vì các ngài, trên bước đường hoằng hóa của mình, mỗi khi xây dựng một tự viện và tạo lập chúng Tăng ở đâu, thì sau đó ngôi tự viện và chúng Tăng ấy cũng theo lời dạy và tư tưởng của các ngài.

a. Nhóm Dung Hợp

Hầu hết các tự viện trong nhóm này trước đây đều là những ngôi chùa do ngài Giới Nghiêm sáng lập. Sinh thời, ngài Giới Nghiêm rất nghiêm khắc đối với các kinh luận Đại Thừa. (95),(96) Một số nhánh như Viên Không (Vũng Tàu), vẫn còn khá cứng nhắc về giáo lý. Tuy vậy, theo sự phát triển, hiện nay đây lại là một nhánh dung hợp về tư tưởng nhất, cả nội lẫn ngoại điển. Các vị trưởng lão trong nhóm như các ngài Viên Minh, Giới Đức, Pháp Tông... ngoại trừ kinh điển Pāli còn tham cứu mở rộng đến các tư tưởng của Nho, Lão, Thiền tông, lẫn văn hóa dân gian trong các bài giảng và bài viết của mình. (97) Phái này hiện nay do ngài Viên Minh (trụ trì chùa Bửu Long) đứng đầu và có chi nhánh ở khắp ba miền.



Tổ đình Bửu Long (Quận 9 cũ), Tp.HCM - Ảnh: Suu tầm

1. Miền Bắc là chùa Nam Thiên (chùa Nội Phật, Sóc Sơn) do sư Minh Từ trụ trì.
2. Miền Trung, nơi giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến Tăng sự là chùa Huyền Không (Huyền Không Sơn Trung) với thầy Pháp Tông làm trụ trì, nhưng “trung tâm tư tưởng” lại nằm ở Huyền Không Sơn Thượng do sư Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) trụ trì.
3. Miền Nam, trụ sở chính là Tổ đình Bửu Long (Quận 9) do ngài Viên Minh trụ trì.

Nếu đi sâu hơn, mỗi vị sẽ chuyên theo một sở trường, chẳng hạn, ở Viên Không, ngài Hộ Pháp đi theo pháp học, viết sách dựa trên Tam tạng (Tipitaka), Chú giải (Atthakathā), Sớ giải (Tīkā), Hậu sớ (Anutīkā) và Ngoại tạng (Anyā) Pāli; còn ngài Pháp Thông thiên về pháp hành, dịch sách của các ngài Thiền sư nổi tiếng trên thế giới như là các ngài Ledi, Pa-auk, Goenka,...

Đặc biệt đây là nhóm tiên phong trong việc chấp nhận sự tái lập của ni đoàn trong hội chúng Nam Tông Việt Nam mà ni sư Liễu Pháp là người khởi xướng.

b. Nhóm Xã Hội

Nhóm này chủ yếu hoạt động về các mảng xã hội như làm những việc phước thiện, cúng dường, truyền thông... Nhóm này do ngài Thiện Tâm đứng đầu, có “trụ sở chính” là chùa Phổ Minh (Gò Vấp), trước đây do ngài Bửu Chơn xây dựng. Chùa này cũng là nơi thường tổ chức các buổi tu niệm Phật theo kiểu Nam Tông (Araham

- Đức Phật trọn lành) vào những ngày Chủ Nhật. Nhóm này cũng chia ra làm hai nhánh nhỏ khác, là nhánh Phước Sơn (Đồng Nai) và nhánh Bửu Quang (Thủ Đức).

Phước Sơn là thiền viện lớn nhất của Phật giáo Theravāda Việt Nam, chấp nhận khá nhiều luồng tư tưởng trong nội bộ Theravāda (theo thiền sư Goenka, Pa-auk, Mahasi, Kim Triệu,...) lẫn ngoài Theravāda (Đại Thừa, Khất Sĩ). Tuy vậy, sự dung hợp này thể hiện ở mặt đời sống xã hội nhiều hơn là về mặt tư tưởng. Thêm vào đó, ngài trụ trì Bửu Chánh vốn là đệ tử của ngài Bửu Chơn và Thiện Tâm (98), gắn bó với chùa Tổ Phổ Minh hơn; vì vậy, nhánh này vẫn xếp vào nhóm Xã Hội thay vì nhóm Dung Hợp.

Chùa Bửu Quang, do sư Thiện Minh làm trụ trì, có nhiều cải cách nhất trong Phật giáo Theravāda hiện nay. Ở nhánh này, hiện nay, các vị tăng mặc y màu đỏ “dạ quang”, chưa từng ở đâu có trong suốt lịch sử truyền bá Phật giáo Theravāda trên thế giới. Cũng tại đây, truyền thống tụng kinh song ngữ Pāli và bản ngữ của tất cả các nước theo truyền thống Theravāda từ ngàn năm nay đã hoàn toàn được thay thế bằng kinh thuần Việt ngữ. Đây cũng là nhánh duy nhất trong Phật giáo Theravāda người Việt (và có lẽ đối với cả Phật giáo Theravāda thế giới nữa) chấp nhận việc những vị xuất gia thọ giới không chỉ trong nội bộ hệ phái, mà còn “liên kết” tổ chức và tham gia các Đại giới đàn của Phật giáo Đại thừa như các giới đàn Quảng Đức, Trí Đức,... gần đây. Việc dịch thuật các kinh điển (sutta) và chú giải (atthakathā) của nhánh này, chủ yếu do Tỳ khưu Thiện Minh thực hiện. Nhánh này có các chùa như Bửu Hạnh, Bát Chánh Đạo,...; mở được nhiều chùa trong nước như thiền viện Thiện Minh, chùa Thanh Long, chùa Đức Hòa,...và xây được các chùa ở nước ngoài như chùa Đại Lộc (Ấn Độ), chùa Đại Phước (Miến Điện),... Tổng số lên đến khoảng 20 ngôi chùa.

Đây là nhóm duy nhất trong các phái của Phật giáo Theravāda người Việt, cho đến hiện nay, quản lý một tờ Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy. Tuy nhiên, nội dung tạp chí ít nói về Phật giáo Theravāda. Tổng biên tập là Thích Thiện Tâm và hai Phó tổng biên tập lần lượt là Thích Bửu Chánh và Thích Thiện Minh. (99) Trụ sở tòa soạn lại đặt ở chùa Bửu Quang thay vì chùa Phổ Minh và cũng không có chi nhánh ở Phước Sơn. Đây cũng là nhánh duy nhất thành lập được Trung tâm nghiên cứu Pali học trực thuộc Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam và ra một

trang mạng dưới danh nghĩa của Tăng đoàn Việt Nam (vietnambuddhistsangha.vn).

c. Nhóm Siêu Lý

Nhóm này trước đây do ngài Tịnh Sự khởi xướng khi đem môn Abhidhamma về Việt Nam truyền bá. Hầu hết những ngôi chùa hiện nay theo phái này cũng là những ngôi chùa xưa kia do ngài Tịnh Sự tạo lập. Nhóm này hiện nay, đứng đầu là ngài Giác Chánh, trụ trì chùa Bửu Đức (Đồng Nai), chuyên về pháp học Siêu Lý (Abhidhamma). Phái này hiện nay cũng có hai nhánh nhỏ, mà chúng tôi tạm gọi là “dòng chính lưu” và “dòng phụ lưu”.

Dòng chính lưu gồm các đại đệ tử của ngài Tịnh Sự, như các ngài Giác Chánh, Giác Giới, Giác Nguyên... Nhánh này có đóng góp rất lớn cho Phật giáo Theravāda người Việt khi đã tu chỉnh và cho in lại 6 bộ Abhidhamma (trừ bộ Ngũ Tông - Kathāvatthu) do ngài Tịnh Sự dịch mà trước đây chỉ lưu hành nội bộ. Sư Giác Chánh đã dịch bản kinh Đạo Vô Ngại Giải, có các tác phẩm như Siêu Lý Học, Vi Diệu Pháp Nhập Môn... Sư Giác Giới có dịch các tập đầu của tạng Luật; ngoài các tập Vi Diệu Pháp Sơ Cấp, Giáo Trình Duyên Hệ được lưu hành nội bộ thì còn có các tác/dịch phẩm khác như Pāli Hàm Thụ, Học Tiếng Pāli, Luật Nghi Tổng Quát, Kho Tàng Pháp Học... Sư Giác Nguyên có dịch phẩm như Giáo Tài A-tỳ-đàm, Triết Học A-tỳ-đàm Của Phật Giáo Truyền Thống, Giáo Lý Duyên Hệ, A-tỳ-đàm Hữu Bộ...

Dòng phụ lưu gồm các vị còn lại trong sở học Abhidhamma. Trong đó, năm 2011-2012, Tỳ khưu Giác Tuệ cùng đệ tử cũng đã cho in lại cáo bản của 7 bộ Abhidhamma (trước tu chỉnh) và soạn 6 tập Tự Học Vi Diệu Pháp. Sư Chánh Minh được biết đến với những tác phẩm như Đường Vào Thắng Pháp, Vấn đáp: Đại cương Vi Diệu Pháp và Tâm, Quy trình Tâm pháp, Tâm Vấn Đáp, Tâm Sở Vấn Đáp (3 tập), Khái lược về Duyên hệ, Đọc Luận Điểm,... Còn sư Pháp Chất thì có cuốn Thắng Pháp Lý Nhiếp Luận.

Tuy là đã chia làm hai dòng nhỏ như vậy, nhưng những dòng phái này dường như có quan hệ với nhau rất lỏng lẻo, không thống nhất, rời rạc. Cụ thể như việc không có hệ thống thuật ngữ tiếng Việt thống nhất, một bộ giáo khoa chuẩn cho môn Abhidhamma. Khi đi vào chi tiết, thì mỗi vị lại có cách lý giải theo tri kiến riêng của mình...

d. Nhóm Thiền

Nhóm chuyên về thiền này không có sự xuyên suốt như ba nhóm vừa kể trên. Có thể kể những vị trưởng lão của nhóm này như là các ngài Ấn Lâm, Hộ

Nhẫn,... Tuy nhiên, sau khi các ngài mất đi thì không có những vị đệ tử nối gót thực hành con đường Thiền tập như vậy. Gần đây, ta có thể kể đến ngài Kim Triệu, một vị Tỳ khưu người Việt gốc Khmer, hiện là viện chủ của Thích Ca thiền viện,... tại Hoa Kỳ. Phương pháp thiền của ngài Kim Triệu chú trọng vào niệm tâm (citta), theo trường phái Shwe Oo Min ở Miến Điện. Tuy vậy, quanh phương pháp thực hành và giảng dạy của ngài thì cũng vẫn còn khá nhiều tranh cãi.

e. Ngoài các nhóm

Những ngôi chùa nào không chịu sự ảnh hưởng của bốn nhóm trên, chúng tôi xếp riêng ra. Chẳng hạn, ta có thể kể đến như tịnh xá Trúc Lâm ở Hóc Môn.

7.2.2. Phật giáo Theravāda người Khmer

Phật giáo Theravāda người Khmer ở Việt Nam dường như tương đồng với Phật giáo Theravāda người Khmer ở Cao Miên. Hiện nay thì chư Tăng người Việt và người Khmer thường ít có liên hệ với nhau (chỉ trong những cuộc lễ lớn như lễ dâng y Kathina, các cuộc trai tăng lớn,...), nhưng trước đây hai bên có mối quan hệ vô cùng khăng khít. Trước hết phải kể đến việc Phật giáo Theravāda người Việt có nguồn gốc từ Phật giáo Theravāda người Cao Miên. Từ sau năm 1975 đến trước những năm 1990, các vị sư người Việt muốn xuất gia thường được chỉ định đến các chùa người Khmer để xuất gia. Chư tăng Theravāda người Khmer ở Việt Nam hiện giờ chia thành hai phái chính, là phái Pháp Tông và phái Đại Tông.

Đại Tông phái (Mahānikāya) và Pháp Tông phái (Dhammayuttikanikāya). Đại Tông phái và Pháp Tông phái của người Khmer tại Việt Nam, trên căn bản cũng không khác nhau về mặt giáo lý, tuy vậy, về sự thực hành thì có đôi chút khác biệt. Theo sư Thiện Minh trong Lịch sử Phật giáo Nam tông Việt Nam (bản điện tử, năm 2010, đã chỉnh sửa so với khóa luận năm 1997), Phái Pháp Tông khác với Đại Tông ở điểm:

- Tự cho mình là tu đúng chính pháp. Không sửa đổi một điều nhỏ nhặt trong Pháp và Luật như phái Mahānikāya, tự hào phái của mình là có hoàng tộc gia nhập.
- Khi đi khất thực bình bát để trần trụi, không phải như phái Mahānikāya có dây và áo bát. Phái Dhammayuttikanikāya quan niệm là giữ đúng luật, vì đức Phật thời xưa cũng thế chỉ có khăn lót bát cho đỡ nóng, chứ không như phái Mahānikāya chế thêm dây và áo bát cho tiện việc khất thực.

- Phái Mahānikāyathì đọc kinh Pāli theo âm của ngôn ngữ mình; còn Dhammayuttikanikāya thì đọc như giọng Pāli của Ấn Độ hay Tích Lan. Ví dụ: Chữ “Dhamma”, phái Dhammayuttikanikāya đọc là “Thăm ma”, còn phái Mahānikāya đọc là “Thăm mia”.

Vào năm 1900, hoàng gia Campuchia cử một nhà sư phái Dhammayuttikanikāya sang Việt Nam truyền đạo và ủng hộ những ngôi chùa nào chấp nhận từ bỏ phái Mahānikāya mà cải sang Dhammayuttikanikāya. Đến năm 2004, tại An Giang, số chùa thuộc phái Dhammayuttikanikāya được 21 ngôi, trong đó có cổ tự Prey Veng 300 năm tuổi tại Châu Đốc. Tuy phái này ít so với phái Mahānikāya nhưng vẫn có tổ chức độc lập và có hội đồng trưởng lão để chỉ đạo đường hướng hoạt động cho 21 chùa, trụ sở đặt tại chùa Prey Veng. Phái này tồn tại cho đến ngày nay và hiện là thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. (100)

8. Nhận xét chung

Trong mục này ta sẽ khái quát một số nhận xét rút ra được qua sự khảo sát tương đối trong tài liệu và góc nhìn hiện có. Các nhận xét này chỉ là đánh giá sơ bộ, cần có những nghiên cứu sâu hơn để có được các nhận xét chính xác hơn.

Ta có thể thấy rằng, mầm mống của sự phân hóa đã tồn tại trong thời Phật giáo nguyên thủy, tiếp tục mãi cho đến thời hiện đại. Trong quá trình hình thành và phát triển của mình, Theravāda với tư cách là một bộ phái Phật giáo cũng tiếp tục phân hóa không ngừng trên cả bốn khía cạnh xếp theo thứ tự quan trọng tăng dần: chuyên môn, địa lý, tổ chức và tư tưởng.

1. Trước hết, việc phân hóa giáo đoàn thành các nhóm nhỏ theo sở trường tu học, cũng như để thuận tiện cho quá trình quản lý và truyền bá kinh điển đã có từ thời đức Phật, chẳng hạn như trong kinh Cankamasuttam (SN 14. 2. 5).

2. Thứ hai, sự bản địa hóa theo nghĩa đơn giản có thể hiểu là Phật giáo truyền tới quốc độ nào, sẽ tùy thuận theo quốc độ ấy. Điều này có thể thấy khá rõ vì Phật giáo Thái Lan thì khác Phật giáo Miến Điện, hay Tích Lan,... Đây là kết quả hiển nhiên của sự tiếp biến văn hóa dù cho có cố gắng duy trì bản sắc thời Phật giáo nguyên thủy. Mặt khác, sự bản địa hóa này còn có thể nhìn theo góc độ tùy thuận trong thuyết Pháp. Ví dụ khi đức Phật thuyết Pháp cho Bà La Môn Kasībhāradvāja, ngài cũng đã tự nhận mình là người nông phu (SN 7. 2. 1: Kasīsuttam), hay khi thuyết pháp cho Singālaka, ngài đã sử dụng chính các ví dụ của ông này để thuyết giảng Phật pháp. Đây là tiền đề cho phương tiện thiện xảo, một yếu tố mà Đại Thừa rất nhấn mạnh và Theravāda cũng không thể bỏ qua.

3. Trên phương diện thứ ba, ta đề cập đến sự phân chia trên phương diện giành quyền lãnh đạo, hoặc thay đổi cơ cấu tổ chức. Câu chuyện về giáo đoàn của Devadatta và 5 sự việc trong Luật Tiểu Phẩm chương 7, hay câu chuyện về ngài Purāṇa và 500 vị đệ tử đã không chấp nhận thành quả của cuộc Hội tập lần thứ nhất nơi chương 11, Luật Tiểu Phẩm là những điển hình trong kinh điển. Trong thời hiện tại, sự tách biệt về tổ chức này cũng có thể thấy ở ngay chính những nước quốc giáo.

4. Cuối cùng, sự khác biệt căn cơ nhất vẫn nằm ở vấn đề tư tưởng. Sự sai biệt về việc kiến giải Kinh Luật cũng được thấy ngay từ thời đức Phật còn tại thế, ta có thể dẫn ra ở đây một ví dụ điển hình là bài Kinh Bahuvēdanīyasuttam (MN 59), khi mà ngài Udāyī cùng với thợ mộc Pañcakanga bàn luận về việc có bao nhiêu thợ đã được đức Phật nói đến. Hiện nay cũng vậy, ta có thể đơn cử trong việc tọa thiền, thì ta có những vị tọa thiền theo phương pháp ngài Pa-auk lấy Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) và Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) làm căn bản; hay những vị hành thiền theo phương pháp của Ajahn Chah, không quá đặt trọng tâm vào việc nghiên cứu Vi Diệu Pháp, mà dựa chủ yếu vào Ngũ Bộ Kinh,...

Trái với quan điểm truyền thống thường coi sự phân chia là dấu hiệu suy thoái của giáo đoàn, chúng tôi cho rằng sự phân hóa này là điều tất yếu giúp giáo đoàn thích nghi và đa dạng hóa để tiếp tục tồn tại. Điều này không có nghĩa là bất cứ sự phân hóa nào cũng mang tính tích cực, mà có nghĩa là nếu không có những sự phân hóa thích hợp thì bất cứ thực thể xã hội nào cũng không thể tồn tại.

Song song với quá trình phân hóa này, xét trong nội bộ Theravāda lẫn tổng thể Phật giáo mà Theravāda thuộc về, còn có một quá trình thống nhất. Quá trình thống nhất ở đây được hiểu trên hai phương diện: sự đấu tranh đối trọng qua lại và sự tiếp nhận ảnh hưởng lẫn nhau. Trong đó, sự đấu tranh thể hiện nặng hơn ở nội bộ các nhóm và phái của Theravāda, chẳng hạn, những vị thuộc phái Đại Tông ở Thái Lan muốn gia nhập vào phái Pháp Tông đã buộc phải upasampadā trở lại.

Mặt khác, sự ảnh hưởng lại nặng hơn về phía các yếu tố bên ngoài, bao gồm cả văn hóa bản địa, các truyền thống Phật giáo khác và tôn giáo khác. Ta có thể kể đến, tục thờ Nat (𑜉𑜂𑜫 𑜇𑜨) của Miến, tục thờ Phi (𑜉𑜂𑜫) ở Thái, thờ Néak Tà của người Khmer; phái Vô Úy Sơn của Tích Lan cổ tiếp nhận giáo lý Phương Đăng, phái Mật Chú của Cao Miên sử dụng các hình thức ma thuật, phái Pháp Thân của Thái có việc mở luân xa, một số chùa của Thái dần chấp nhận bồ tát Quán Thế Âm... Mặt khác, sự tiếp nhận từ Thiên Chúa Giáo lại không nhiều, có thể do

đối kháng từ thời kì thuộc địa.

Để phân tích rõ lý do của những việc này, ta cần phải nhìn vào các ràng buộc của quá trình phân hóa trong Theravāda. Phật giáo Theravāda ngày nay bảo tồn được hình thái này vì tránh khỏi diễn tiến thống nhất thành Đại Thừa của Phật giáo Ấn Độ do đã lưu truyền sang nước khác. Khác với các tông phái Phật giáo khác, Theravāda luôn chủ trương mình là chính thống với lời Phật dạy. Tuy vậy, cùng với thời gian, truyền thống này cũng buộc phải phân hóa theo yêu cầu của sự thích nghi và phát triển. Chính đặc điểm này làm cho các nhánh trong nội bộ Theravāda khó dung hòa hơn. Quá trình phân hóa với một chính danh sẽ càng khắc sâu khoảng cách này. Sự tiếp nhận sẽ dễ dàng hơn nếu các yếu tố ngoại tại đến từ bình diện văn hóa, tức không mang bản sắc tông môn, hoặc được thể hiện lại theo cách diễn đạt của nội bộ phái đó. Như vậy, sự chính danh thành phái một mặt định hình cho nguồn lực phát triển trong nội bộ phái, mặt khác lại cô lập phái này ra khỏi cộng đồng.

9. Kết luận

Trong bài viết này, chúng ta đã khảo sát một cách hệ thống về sự phân hóa trong giáo đoàn Theravāda hiện nay trên toàn thế giới. Qua đó, chúng ta cũng đã rút ra một số nhận định sơ bộ về sự phân hóa này. Đây là những tiền đề quan trọng để phát triển các nghiên cứu sâu hơn về đề tài quan trọng này. Ngoại trừ Việt Nam, dữ liệu về các nước còn lại đều thứ cấp. Một bổ sung về sử liệu điền dã khả dĩ sẽ khắc họa tỉ mỉ và chính xác hơn về những gì đang diễn ra.

Tác giả: **Nguyễn Anh Tú**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 09/2026

Chú thích:

(91) Phần này chủ yếu lược từ bài “*The Past and Present of Theravada Buddhism in Japan*” của Avery Morrow, 2008.

(92) <http://www.agon.org/en/about/>

(93) Chryssides, George D. (2012). *Historical Dictionary of New Religious Movements*. Rowman & Littlefield. p. 26. ISBN 978-0- 8108-6194-7.

(94) *World Christian Encyclopedia, 2nd ed., Oxford University Press, 2001, vol 2, page 11*

(95) Theo Tự truyện của sư Giới Đức, phần Hành Trạng Một Thời Của Sơ Tổ Huyền Không, <http://huyenkhongsonthuong.net/hanh-trang-mot-thoi-cua-so-to-huyen-khong-4.html>

(96) Bài viết đăng trên trang web vào ngày 8/3/2016, thì ngay mấy dòng đầu, chúng ta sẽ đọc được đoạn này: Ở đây “tuyệt đối” chẳng có kinh luận của Đại thừa, vì đối với ngài, đấy là “tư tưởng của ngoại đạo”. Đôi khi ngài đích thân đi lùng tũ sách của các sư, thấy các kinh luận của Đại thừa là ngài rầy la, quăng ra vườn rồi bảo đốt hết. Ở bài chỉnh sửa ngày 14/3/2016, đoạn trên đã được sửa lại như sau: Ở đây “tuyệt đối” chẳng có kinh luận của Đại thừa, vì đối với ngài, đấy là tư tưởng của những người đi sau. Và ngài cũng không bao giờ khuyến khích các sư lưu giữ hay đọc các kinh luận của Đại thừa.

(97) Đây chúng tôi chỉ xin dẫn một ví dụ tiêu biểu, vì kể ra cho đủ thì sẽ rất dài, như là với ngài Viên Minh thì chúng ta có thể tìm đọc Tuyển tập thư Thầy hay quyển Ngộ nhận tính bi quan trong Lão Tử Đạo Đức Kinh (Tư tưởng Lão Tử qua quan điểm Phật học),... với ngài Giới Đức thì là bộ Một cuộc đời một vầng nhật nguyệt,...

(98) Năm 1974 tại Chùa Phổ Minh (Gò Vấp), Sư thọ giới sa-di với thầy tế độ là Cố HT. Bửu Chơn, thầy tiếp dẫn là ngài Thiện Tâm. Sư thọ giới Tỳ khưu tại chùa Trúc Lâm (Q.6) năm 1981 với thầy tế độ là Cố HT. Tịnh Sự và thầy yết-ma là Cố HT. Siêu Việt.

(99) Ghi đúng theo thông tin trên cuốn Tạp chí Phật Giáo Nguyên Thủy, mặc dù Phật giáo Theravāda không chấp nhận họ “Thích”.

(100) Lịch sử Phật giáo Nam tông Việt Nam, <http://www.phatgiaonguyenthuy.com/news-650/Lich-su-Phat-giao-Nam-tong-Viet-Nam.html>